

Số: /KH-UBND

Nam Định, ngày tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ, Chương trình hành động số 44-CTr/TU ngày 25/01/2024 của Tỉnh ủy Nam Định về việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi là Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ); Chương trình hành động số 44-CTr/TU ngày 25/01/2024 của Tỉnh ủy Nam Định về việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi là Chương trình hành động số 44-CTr/TU của Tỉnh ủy), Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Tiếp tục thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Triển khai chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó: Có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%;

- Phần đầu đạt khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động

tham gia bảo hiểm xã hội và khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội đủ điều kiện đều được trợ cấp xã hội hàng tháng và các chính sách hỗ trợ kèm theo; đến năm 2030 không còn hộ nghèo (trừ những hộ nghèo không có khả năng lao động).

- Phân đầu từng bước hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; tỉ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,98%, cấp trung học cơ sở tối thiểu đạt 99,67%, cấp trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 75%; tỉnh Nam Định đạt và nâng cao chất lượng xoá mù chữ mức độ 2.

- Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia; Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức trên 0,7 vào năm 2025 và năm 2030 là 0,75. Tuổi thọ bình quân đạt trên 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu trên 70 năm; 32 giường bệnh viện, 12 bác sĩ, 2,5 dược sĩ đại học, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế (BHYT); trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được BHYT chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

- Quan tâm xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; xoá bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt khoảng 33,5m² sàn/người; 100% hộ gia đình ở thành thị và phân đầu 99% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Triển khai hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước và xây dựng con người Việt Nam toàn diện. Nam Định nằm trong nhóm tỉnh có chỉ số phát triển con người (HDI) cao so với các tỉnh khu vực Nam đồng bằng Sông Hồng và mức trung bình khá so với cả nước.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao, các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là các đơn vị) bám sát định hướng, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động 44-CTr/TU của Tỉnh ủy, tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai đầy đủ, toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về những quan

điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động 44-CTr/TU của Tỉnh ủy cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người đứng đầu. Khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững; dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể; phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của con người Nam Định, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

- Các đơn vị chủ động phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động 44-CTr/TU của Tỉnh ủy với quy mô sâu rộng, nội dung, phương pháp tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, hình thức đa dạng, phong phú. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

- Bám sát quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động 44-CTr/TU của Tỉnh ủy các đơn vị rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành để tiếp tục tham mưu ban hành, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về chính sách xã hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp hoàn thiện hệ thống pháp luật về chính sách xã hội của từng giai đoạn phát triển của tỉnh.

- Bám sát quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động 44-CTr/TU của Tỉnh ủy tham mưu ban hành và triển khai hiệu quả, kịp thời các cơ chế đặc thù của tỉnh trong việc hỗ trợ tạo việc làm; đào tạo nghề cho lao động tại doanh nghiệp; hỗ trợ giảm nghèo, trong đó ưu tiên hộ không có khả năng lao động, hộ cận nghèo có thành viên đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo, hạn chế tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới do khó khăn đột xuất.

- Các đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, con người thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chính sách xã hội từ tỉnh đến cơ sở; Thực hiện phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong tiếp cận chính sách xã hội; Yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm quy định về lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội; Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực. Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và vai trò giám sát của nhân dân

trong việc thực hiện chính sách xã hội.

- Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực chính sách xã hội sâu rộng và toàn diện, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Tiếp tục thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan, tăng cường quản lý cung cấp dịch vụ xã hội trên nền tảng số.

- Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế; tăng cường xã hội hóa, hợp tác công tư.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Tôn vinh toàn diện và đầy đủ đối với người có công với cách mạng, quan tâm hơn nữa chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công; thực hiện tốt chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với con đẻ người có công; ưu tiên, hỗ trợ giải quyết việc làm sau khi tốt nghiệp, thực hiện tốt công tác điều dưỡng sức khỏe đối với người có công, thân nhân liệt sĩ; giải quyết chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ xây mới, cải tạo nhà ở cho người có công có khó khăn về nhà ở, tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Tổ chức xác minh, khai thác nguồn tin, tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ, tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; cân đối một phần ngân sách nhà nước kết hợp với các nguồn vận động xã hội hóa để tập trung xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

- Phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc người có công với cách mạng và phong trào “Toàn dân chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng”, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia ủng hộ Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” các cấp nhằm góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng.

- Hoàn thành cơ bản việc giải quyết tồn đọng trong chính sách người có công, nhất là công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu về người có công.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

a) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Thực hiện có hiệu quả chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỉ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và

duy trì mức sinh thay thế trên phạm vi toàn tỉnh, nhất là đối với một số địa bàn và nhóm dân cư. Phát triển và hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế các cấp; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn sâu, chất lượng cao. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng. Triển khai thực hiện các chính sách thích ứng với quá trình già hoá dân số; đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

Hiện đại hóa, đa dạng hóa phương thức giáo dục, đào tạo; nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo¹, trọng tâm là hiện đại hoá, đa dạng hoá phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời².

Thực hiện đào tạo, đào tạo lại ngành, nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện chính sách quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Chú trọng đào tạo lực lượng lao động có chuyên môn, tay nghề cao, lao động ngành kỹ thuật, dịch vụ và công nghiệp; đào tạo lao động chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp trong quá trình cơ cấu lại các ngành kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Quan tâm giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. Đổi mới chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài.

b) Phát triển thị trường lao động

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, vận hành sàn giao dịch việc làm; cập nhật thông tin kịp thời, đầy đủ kết nối cơ sở dữ liệu lao động, việc làm và quản lý nguồn nhân lực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

¹ Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 18/8/2020 triển khai Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

² Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 36-CTr/TU ngày 10/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Rà soát triển khai đầy đủ cơ chế gắn kết giữa các chính sách việc làm và chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách việc làm công; Rà soát, hoàn thiện và thực hiện nghiêm, có hiệu quả chính sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Thực hiện tốt các chính sách liên quan đến người lao động và doanh nghiệp; nhất là chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp. Thực hiện nghiêm các chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn lao động, tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội.

Nâng cao năng lực phân tích, dự báo thị trường lao động. Tăng cường giao dịch việc làm trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung cầu, rút ngắn thời gian tìm việc của người lao động. Phát huy, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, nhất là tổ chức tốt các sàn giao dịch việc làm công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như: tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động...

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức và tăng cơ hội việc làm bền vững cho người lao động. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ theo Kế hoạch số 104/KH-UBND, ngày 14/11/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới; Tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Đẩy mạnh tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, nhất là tại các khu công nghiệp tập trung; đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Bên cạnh nguồn vốn tín dụng chính sách cân đối từ Trung ương, UBND tỉnh, các huyện, thành phố tham mưu cấp ủy, Hội đồng nhân dân cùng cấp cân đối trích ngân sách ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, lao động là người khuyết tật, người bị ảnh hưởng do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và các nhóm đối tượng yếu thế, lao động có hoàn cảnh khó khăn khác. Tiếp tục hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026 - 2030, chú trọng phát triển các thị trường có thu nhập cao, việc làm ổn định nhằm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và tạo nhiều cơ hội việc làm bền vững cho người lao động.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

a) Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động.

Tiếp tục cải cách, mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động; thực hiện BHXH bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật.

Đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện; tăng cường hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia.

Đổi mới hoạt động bảo hiểm thất nghiệp theo hướng chú trọng đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động bị thất nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo kỹ năng, duy trì việc làm cho người lao động để chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp.

Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, chất lượng khám chữa bệnh và khả năng tài chính của người dân hưởng bảo hiểm y tế.

Hoàn thiện cơ chế quản lý, đầu tư phát triển Quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế an toàn, hiệu quả, bền vững. Xử lý nghiêm tình trạng nợ, gian lận, trục lợi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Ban hành chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia.

b) Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác.

Tiếp tục nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, sà an sinh xã hội quốc gia. Rà soát, hoàn thiện chính sách ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Kịp thời tham mưu triển khai khi có chính sách hỗ trợ hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi.

Hình thành và phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người bị bạo lực gia đình và người bị bạo lực trên cơ sở giới; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững; kết nối, đẩy mạnh các hoạt động trợ giúp pháp lý trong các chương trình, chính sách về an sinh xã hội.

Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện lồng ghép nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội trong thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững theo Nghị quyết số 133/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh về việc Ban hành cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và các chương trình, chính sách giảm nghèo theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Lồng ghép thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững với đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nâng cao.

Nghiên cứu, tham mưu triển khai cơ chế thí điểm phân cấp thực hiện trọn gói các chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện và tham mưu triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

- Về giáo dục và đào tạo:

Phát triển toàn diện, bền vững giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm xây dựng nền tảng giáo dục thông minh, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hoà nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo. Tăng cường đầu tư để duy trì và nâng cao kết quả xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia các cấp học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hoá góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo.

- Về y tế:

Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực cho y tế cơ sở, y tế dự phòng, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân; quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi.

Phát triển mô hình bác sĩ gia đình; quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử và khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân; Thực hiện chính sách về dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân; Nâng cao chất lượng dự báo,

giám sát, phát hiện, ngăn ngừa có hiệu quả và không chế dịch bệnh, đảm bảo an ninh y tế. Phát triển các cơ sở y dược cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền và hiện đại; đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe sinh sản, dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Về phát triển văn hoá:

Thực hiện môi trường văn hóa đổi mới, sáng tạo, lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, di sản văn hoá dân tộc. Xây dựng nền văn hóa Nam Định chủ động trong hội nhập và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Chú trọng huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nhà nước và xã hội để xây dựng, phát triển văn hóa, con người Nam Định.

- Về thông tin: Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng; tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Tăng cường cải tiến, nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền, trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân tiếp cận thông tin

- Về nhà ở:

Thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên.

Căn cứ nguồn lực của tỉnh có chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội cho một số đối tượng khó khăn; chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ cho hộ nghèo khu vực nông thôn cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

- Về nước sạch, vệ sinh môi trường:

Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân.

Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; có giải pháp đủ mạnh để giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải tại các đô thị lớn, khu vực nông thôn. Tăng cường nguồn lực đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung; cụm dân cư nông thôn phải có hệ thống thoát nước và biện pháp xử lý nước thải phù hợp. Có biện pháp xử lý nước thải khu vực dân cư ven biển để bảo vệ môi trường sinh thái biển.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở dịch vụ xã hội. Xây dựng và triển khai hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp.

Nâng cao chất lượng các dịch vụ trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Thực hiện chính sách hợp tác công - tư, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hoá, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Nâng cấp, mở rộng quy mô nuôi dưỡng, chăm sóc, điều trị của các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có; bổ sung chức năng để chuyên đổi, sáp nhập một số cơ sở thành cơ sở trợ giúp xã hội đa năng. Kịp thời nghiên cứu tham mưu triển khai cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công - tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, hiện đại hoá và cung ứng dịch vụ xã hội.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Tích cực tham gia, đóng góp xây dựng các định hướng hợp tác trong nước, ngoài nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các cơ chế hợp tác đa phương mới liên quan đến việc làm, an sinh xã hội và các chính sách xã hội khác; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho chính sách xã hội. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh trong khu vực và cả nước, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, tiêu chuẩn nghề nghiệp tương thích và cạnh tranh quốc tế. Tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu,...

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

Nâng cao chất lượng, tăng cường công tác giám sát, phản biện, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về chính sách xã hội của các cơ quan dân cử; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp trong lắng nghe, phản ánh, giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân;

tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong xã hội; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

10. Giám sát đánh giá

Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động 44-CTr/TU và Kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh (được cụ thể tại Phụ lục I kèm theo) thường xuyên giám sát và đánh giá định kỳ việc thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh trên nguyên tắc thống nhất mục tiêu và hành động của cơ quan chức năng ở các cấp tỉnh, huyện, xã. Giám sát, đánh giá các chương trình, đề án, dự án tiến hành định kỳ 5 năm, hàng năm hoặc đột xuất.

Căn cứ các chỉ tiêu chủ yếu ban hành tại Kế hoạch này, các đơn vị xây dựng, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị, bộ phận chuyên môn triển khai, giám sát, đánh giá, định kỳ báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - cơ quan thường trực) để tổng hợp, trình UBND tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nhiệm vụ được phân công, các Sở, Ban, ngành, UBND huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị mình để chỉ đạo, triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, Chương trình, Kế hoạch của Trung ương và của Tỉnh³. Kế hoạch triển khai của các đơn vị cần xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế chính sách về ưu đãi người có công với cách mạng, dạy

³ Chiến lược phát triển Kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 tại Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách BHXH; Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030; Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng và định hướng của ngành LĐTBXH; Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 5/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030; Quyết định số 2239/QĐ-TTg, ngày 30/12/2021, phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 1909/QĐ-TTg, ngày 12/11/2021, phê duyệt “Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2030”; Quyết định số 338/QĐ-TTg, ngày 3/4/2023, phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”. Quyết định số 2161/QĐ-TTg, ngày 22/12/2021 phê duyệt “Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 phê duyệt “Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”; Quyết định số 925/QĐ-TTg, ngày 2/8/2022, phê duyệt “Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”; Quyết định số 1978/QĐ-TTg, ngày 24/11/2021, phê duyệt “Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

nghề, việc làm, bảo hiểm xã hội, giảm nghèo, bảo trợ xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ về giáo dục, đào tạo; Tiếp tục tham mưu triển khai phổ cập giáo dục, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên.

Tham mưu triển khai đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, các kế hoạch, chương trình, đề án về giáo dục; Thúc đẩy chủ trương xã hội hóa giáo dục, đào tạo, "Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị" và "Xây dựng mô hình Công dân học tập".

4. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ về y tế; Duy trì và phát triển bảo hiểm y tế toàn dân, xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng hiệu quả; Thực hiện chính sách về dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân và phòng chống dịch bệnh an toàn, hiệu quả.

Tham mưu triển khai chương trình, kế hoạch về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Đẩy nhanh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh của hệ thống y tế; Các chương trình, kế hoạch, đề án cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân ở các tuyến cơ sở; nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người có công với cách mạng, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng cần trợ giúp xã hội giai đoạn 2021-2030.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ về văn hóa; Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình tổng thể về phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023-2025; Tham mưu xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân gắn với xây dựng nông thôn mới, nếp sống văn minh, đời sống văn hóa trên tinh thần đoàn kết, chia sẻ, tương thân, tương ái trong cộng đồng.

6. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ về thông tin và truyền thông.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh; tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số.

7. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ về nhà ở nhất là xây dựng căn hộ nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; Bảo đảm nhà ở có

chất lượng cho tất cả người dân; tạo sự ổn định xã hội và phúc lợi về nhà ở cho các tầng lớp dân cư.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ về Nước sạch, vệ sinh môi trường; Tiếp tục tham mưu triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; Đảm bảo nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt đặc biệt là nước sạch sinh hoạt của người dân vùng nông thôn, vùng thường xuyên bị thiên tai.

9. Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội theo Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 09/7/2018 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định; Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện các chỉ tiêu về bảo hiểm xã hội.

10. Hàng năm, căn cứ nguồn vốn cân đối từ Trung ương, nguồn vốn ủy thác tại địa phương, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện tốt công tác giải ngân đáp ứng nhu cầu vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, đặc biệt là vốn vay hỗ trợ tạo việc làm và vốn vay hộ nghèo, hộ cận nghèo.

11. Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổng hợp, thống kê, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu hàng năm về an sinh xã hội.

12. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

13. Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng và các chính sách an sinh xã hội theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; tham mưu bố trí nguồn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để tăng nguồn lực thực hiện các chương trình tín dụng chính sách đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động xây dựng Chương trình, Kế hoạch để triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; Bố trí nguồn lực, chỉ đạo cơ quan chuyên môn của địa phương thực hiện; Tổ chức tuyên truyền và đánh giá, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị xã hội tham gia tuyên truyền, phổ biến, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội; Chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội trong thực hiện Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch về đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động Thương binh và Xã hội) trước ngày 15/12 hàng năm. Giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, theo dõi đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo, kiến nghị đề xuất các giải pháp cần thiết nhằm đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện hiệu quả Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động 44-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- TT Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ngân hàng CSXH tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP2, VP7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Lê Đoài